

# CHỦ ĐỀ: ĐỊA LÍ KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP BẮC GIANG

## Bài 1

### KHÁI QUÁT CHUNG KINH TẾ TỈNH BẮC GIANG

#### Mục tiêu

- Trình bày được quy mô, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Giang.
- Phân tích được cơ cấu nền kinh tế của tỉnh Bắc Giang.
- Biết phân tích bảng số liệu, vẽ biểu đồ thể hiện sự phát triển kinh tế.

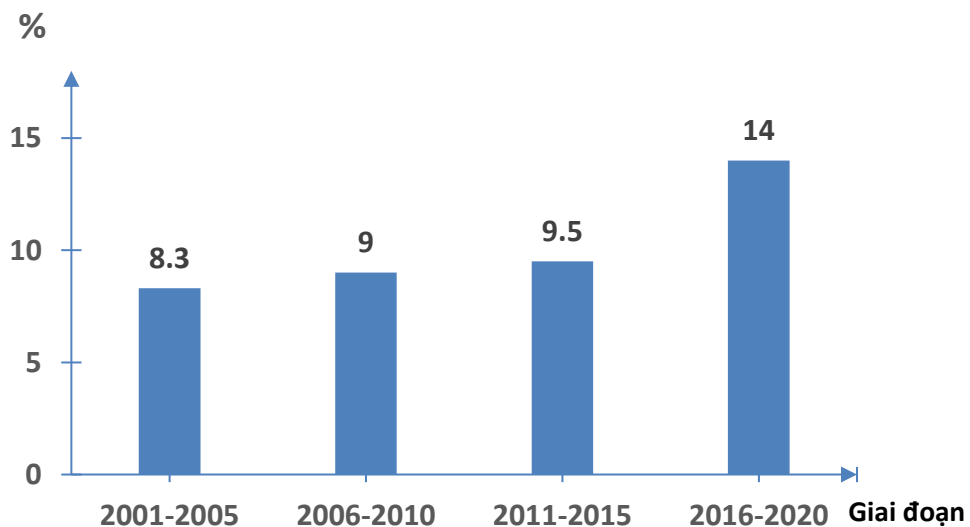
#### MỞ ĐẦU

Mô tả sự thay đổi về kinh tế ở địa phương nơi em sinh sống (học tập) trong khoảng 3 – 5 năm trở lại đây.

#### HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

##### 1. Tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh là chỉ tiêu quan trọng phản ánh kết quả sản xuất cuối cùng của tỉnh trong một năm. Trong những năm gần đây, kinh tế Bắc Giang có những kết quả vượt bậc, mang tính đột phá trở thành điểm sáng của cả nước khi nền kinh tế duy trì đà phục hồi mạnh mẽ trong điều kiện khó khăn vừa qua.



Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh Bắc Giang qua các giai đoạn.



Dựa vào hình 1, nhận xét sự thay đổi tốc độ tăng trưởng GRDP của Bắc Giang. Sự thay đổi đó có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế tỉnh Bắc Giang?



## Em có biết

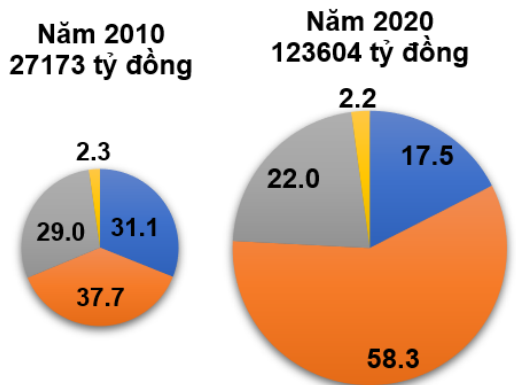
Năm 2021, top 15 tỉnh, thành phố có quy mô kinh tế lớn nhất cả nước lần lượt là TP. Hồ Chí Minh (1), Hà Nội (2), Bình Dương (3), Đồng Nai (4), Bà Rịa - Vũng Tàu (5), Hải Phòng (6), Quảng Ninh (7), Bắc Ninh (8), Thanh Hoá (9), Nghệ An (10), Hải Dương (11), Long An (12), Vĩnh Phúc (13), Thái Nguyên (14), Bắc Giang (15). Năm 2022, Bắc Giang tăng liền 2 bậc lên vị trí thứ 13, vượt qua Thái Nguyên, Vĩnh Phúc trong bảng xếp hạng GRDP, đứng đầu vùng Trung du miền núi phía Bắc, vượt mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đề ra đến năm 2025.

(Nguồn báo điện tử đại biểu nhân dân, ngày 18/01/2023)

## 2. Cơ cấu kinh tế tỉnh Bắc Giang

### 2.1. Cơ cấu ngành kinh tế

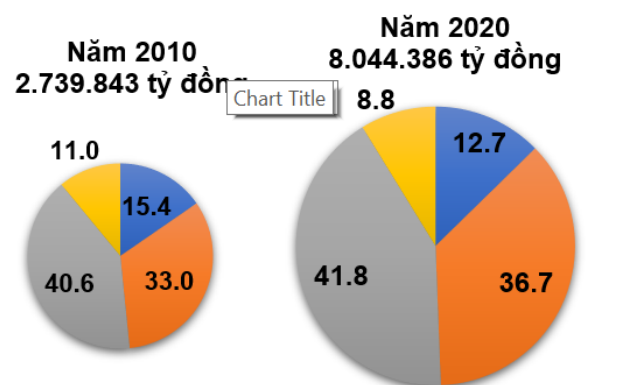
Cơ cấu ngành kinh tế Bắc Giang gồm ngành nông-lâm-thủy sản; công nghiệp-xây dựng (XD); dịch vụ; thuế sản phẩm.



■ - Nông-Lâm-Thủy sản % ■ - Công nghiệp-XD %  
■ - Dịch vụ % ■ - Thuế sản phẩm %

Hình 2: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh phân theo ngành kinh tế tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2010 – 2020.

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)



■ - Nông-Lâm-Thủy sản % ■ - Công nghiệp-XD %  
■ - Dịch vụ % ■ - Thuế sản phẩm %

Hình 3: Tổng sản phẩm trong nước phân theo ngành kinh tế nước ta, giai đoạn 2010 – 2020.

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn>)

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh Bắc Giang qua các năm (Đơn vị: %)

CHỈ TIÊU	2010	2015	2018	2020	2022	Giai đoạn 2011-2020
<b>Tốc độ tăng trưởng GRDP</b>	<b>109,3</b>	<b>109,3</b>	<b>116,2</b>	<b>113,0</b>	<b>119,3</b>	<b>111,4</b>
<b>Trong đó:</b>						
- Nông-Lâm-Thủy sản	103,4	103,2	106,5	106,7	102,0	102,9
- Công nghiệp-XD	115,9	114,7	124,4	118,7	126,7	117,7
- Dịch vụ	108,3	106,4	107,3	101,3	107,5	106,5
- Thuế sản phẩm	117,6	109,0	107,4	106,7	108,4	111,6

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)



Dựa vào hình 2, hình 3 và bảng 1, hãy cho biết:

- Cơ cấu ngành kinh tế Bắc Giang gồm những nhóm ngành nào?
- Nhận xét về sự thay cơ cấu kinh tế của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010 đến 2022. Chỉ ra những điểm đáng chú ý trong cơ cấu kinh tế của tỉnh Bắc Giang so với cả nước?
- Nhận xét tốc độ tăng trưởng GRDP theo ngành kinh tế? Sự thay đổi này có ý nghĩa như thế nào đối với nền kinh tế Bắc Giang?



Cơ cấu kinh tế theo ngành phản ánh trình độ phát triển kinh tế của một tỉnh. Những tỉnh có kinh tế phát triển thường có tỷ trọng dịch vụ và công nghiệp cao, tỉ trọng nông nghiệp thấp.

## 2.2. Cơ cấu thành phần kinh tế

Thành phần kinh tế tỉnh Bắc Giang gồm khu vực kinh tế trong nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Khu vực kinh tế trong nước (kinh tế Nhà nước và kinh tế ngoài Nhà nước) mặc dù quy mô GRDP tăng lên song chiếm tỷ trọng ngày càng giảm trong cơ cấu kinh tế. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu (tăng từ 11,6% năm 2010 lên tới 45,4% năm 2020).

**Bảng 2: Số lượng, chất lượng doanh nghiệp giai đoạn 2010-2020**

STT	Diễn giải	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
<b>I</b>	<b>Doanh nghiệp đang hoạt động</b>			
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.208</b>	<b>2.850</b>	<b>7.700</b>
1	Doanh nghiệp Nhà nước	29	26	23
2	Doanh nghiệp ngoài Nhà nước	1.136	2.683	7.230
3	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	43	141	447
<b>II</b>	<b>Cơ cấu</b>			
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
1	Doanh nghiệp Nhà nước	2,4	0,91	0,3
2	Doanh nghiệp ngoài Nhà nước	94	94,14	93,9
3	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3,6	4,95	5,8

*Nguồn: Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam; Sở Kế hoạch và Đầu tư*



Dựa vào bảng 2 và các thông tin trong bài, hãy nhận xét các đặc điểm nổi bật về cơ cấu thành phần kinh tế tỉnh Bắc Giang.

Hình 4: Hoạt động của các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang



Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang



Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)



Công ty TNHH UNICO GLOBAL VN



Dựa vào hình 4 hãy cho biết Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), Công ty TNHH UNICO GLOBAL VN thuộc khu vực nào trong cơ cấu thành phần kinh tế? Hãy kể tên một số công ty khác ở địa phương mà em biết theo khu vực cơ cấu thành phần kinh tế.

### 2.3. Cơ cấu lãnh thổ kinh tế

**Cơ cấu lãnh thổ kinh tế tỉnh Bắc Giang chia 3 vùng:**

#### 1. Vùng Tây Nam

- gồm các huyện Hiệp Hòa, Việt Yên, Yên Dũng, TP. Bắc Giang và một phần phía Nam, huyện Lạng Giang, Tây, Tây Nam huyện Lục Nam. Vùng kinh tế này chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp – dịch vụ, tạo việc làm cho lao động của các vùng khác, là nơi tập trung cao lực lượng lao động của tỉnh, là khu vực tiêu thụ các sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm trong nông nghiệp của các khu vực khác.

#### 2. Vùng phía Đông

- gồm các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, lấy thị trấn Chũ là trung tâm vùng. Đây là vùng cung cấp các sản phẩm cây ăn quả, chăn nuôi, lao động, dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, tâm linh, công nghiệp chế biến nông, lâm sản. đáp ứng nhu cầu của vùng trọng điểm kinh tế.

#### 3. Vùng phía Bắc

- gồm các huyện Yên Thế, Tân Yên, Lạng Giang, lấy thị trấn Vôi là trung tâm. Vùng có nhiều tiềm năng về phát triển du lịch sinh thái, du lịch lịch sử văn hóa; phát triển lâm nghiệp, chăn nuôi lợn, gia cầm; phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Đây là vùng cung cấp các sản phẩm nông nghiệp như chăn nuôi, trồng trọt, cung cấp lao động, các dịch vụ nghỉ dưỡng, sinh thái đáp ứng nhu cầu của vùng trọng điểm kinh tế.



Từ thông tin của bài cho biết vùng kinh tế nào được coi là vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Bắc Giang? Tại sao.

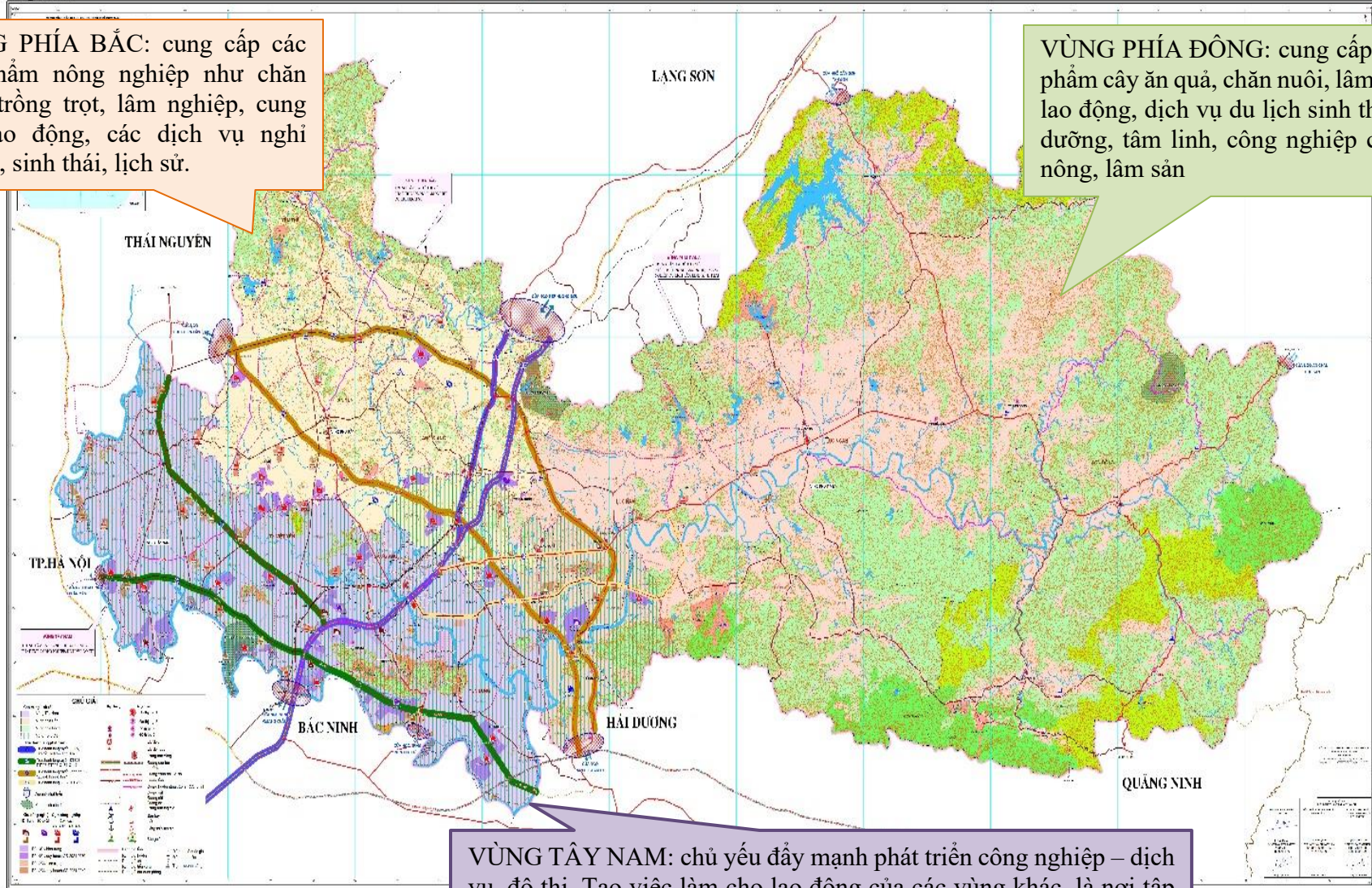


**BẢN ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN VÀ TRỰC KINH TẾ TỈNH BẮC GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

PA TCKG-TKT

**VÙNG PHÍA BẮC:** cung cấp các sản phẩm nông nghiệp như chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp, cung cấp lao động, các dịch vụ nghỉ dưỡng, sinh thái, lịch sử.

**VÙNG PHÍA ĐÔNG:** cung cấp các sản phẩm cây ăn quả, chăn nuôi, lâm nghiệp, lao động, dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, tâm linh, công nghiệp chế biến nông, lâm sản



**VÙNG TÂY NAM:** chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp – dịch vụ, đô thị. Tạo việc làm cho lao động của các vùng khác, là nơi tập trung cao lực lượng lao động của tỉnh, là khu vực tiêu thụ các sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm nông nghiệp của khu vực khác.

## LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Cho bảng số liệu sau:

**Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Bắc Giang và cả nước giai đoạn 2015 – 2022**

(Đơn vị: %)

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Cả nước	7.0	6.7	6.9	7.5	7.4	2.9
Bắc Giang	9.3	10.8	13.2	16.2	15.9	13

1.1. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước và Bắc Giang giai đoạn 2015 – 2020.

1.2. So sánh tốc độ tăng trưởng kinh tế của Bắc giang với tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước, giai đoạn 2015 – 2020.

2. Khảo sát và nhận xét tình hình kinh tế địa phương theo các gợi ý sau

Tên địa phương (xã, phường)....

Liệt kê các ngành kinh tế ở địa phương.....

Ngành kinh tế đem lại nguồn thu chính cho người dân.....

Các ngành kinh tế đang có xu hướng phát triển nhanh.....

Nhận xét chung về mức sống của người dân.....

Bản thân trong tương lai sẽ làm việc trong ngành kinh tế nào? Vì sao...

## Bài 2

# NGÀNH CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG

### Mục tiêu

- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành công nghiệp ở tỉnh.
- Kể tên và xác định được các ngành công nghiệp và một số khu công nghiệp ở Bắc Giang.

### MỞ ĐẦU

Cho biết các hình 4, 5, 6, 7 dưới đây mô tả hoạt động của những ngành công nghiệp nào ở Bắc Giang.



Hình 4



Hình 5



Hình 6

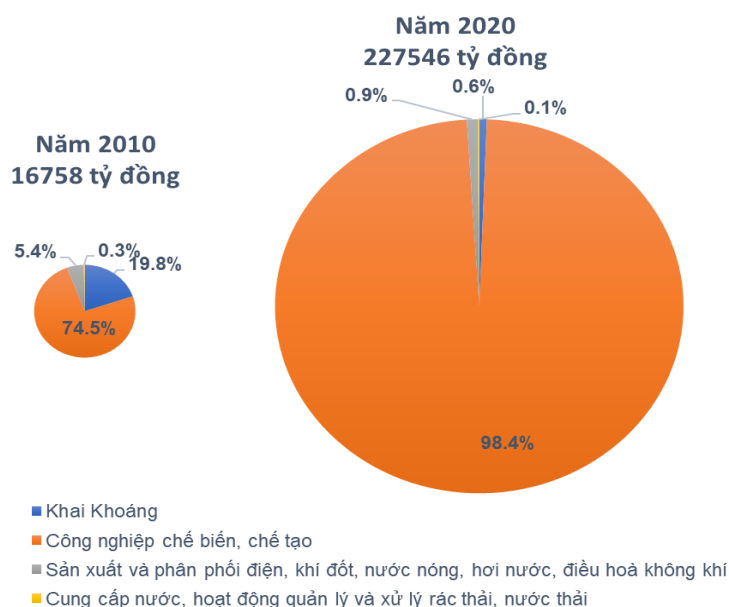


Hình 7

### HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

#### 1. Các ngành công nghiệp ở Bắc Giang

Quy mô giá trị sản xuất (GTXS) của ngành công nghiệp tăng nhanh qua các năm. Trong cơ cấu GTXS ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất và ngày càng tăng trong cơ cấu, từ 74,5% năm 2010 lên 98,4% năm 2020. Các ngành sản xuất khác do tỷ trọng nhỏ, có mức tăng trưởng không cao, do vậy tỷ trọng có xu hướng giảm dần.



Hình 8: Tỷ trọng các ngành công nghiệp Bắc Giang năm 2010 và 2020 (Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kì 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)





Căn cứ vào hình 8, hãy nhận xét sự thay đổi quy mô và cơ cấu ngành công nghiệp ở Bắc Giang? Từ đó cho biết ngành nào có xu thế phát triển ở Bắc Giang.

Bảng 3. Tổng số lao động trong các doanh nghiệp sản xuất theo các ngành công nghiệp ở Bắc Giang từ năm 2017 đến năm 2021<sup>1</sup>

Đơn vị: Người

Năm Ngành CN	2017	2018	2019	2020	2021
Khai khoáng	350	328	606	646	694
CN chế biến, chế tạo	143.838	160.493	177.199	209.841	251.242
Sản xuất phân phối điện, khí đốt...	18	338	57	64	43
Cung cấp nước, hoạt động quản lý nước thải...	997	1.072	1.105	1.087	1.416



Căn cứ vào bảng 3 và các thông tin trong bài, hãy nhận xét và giải thích số lao động các doanh nghiệp sản xuất theo các ngành công nghiệp ở Bắc Giang.

## 2. Phát triển một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu và phân bố các khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Trong giai đoạn vừa qua, ngành công nghiệp của tỉnh đã có sự phát triển mạnh mẽ với việc hình thành và phát triển các sản phẩm công nghiệp có quy mô và tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu ngành, được thể hiện

Bảng 4: Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh Bắc Giang

Sản phẩm	Đặc điểm
Sản xuất các sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	Tốc độ tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu ngành cũng như của nền kinh tế. Năm 2015, sản phẩm này chiếm 44,9% cơ cấu ngành, chiếm 13,4% cơ cấu kinh tế, đến năm 2020 chiếm tới 59,1% cơ cấu ngành và chiếm 26,7% cơ cấu nền kinh tế.
Sản xuất thiết bị điện	Tốc độ tăng rất nhanh.
Sản xuất trang phục	Đây là một trong những sản phẩm công nghiệp quy mô lớn đầu tiên của tỉnh và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu ngành trong những năm 2010. Hiện nay, do xu hướng phát triển và do yếu tố về lao động, quy mô sản phẩm đang có xu hướng giảm về tỉ trọng.

<sup>1</sup> Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang, Niên giám thống kê tỉnh Bắc Giang năm 2021. NXB Thống kê năm 2022



Sản phẩm	Đặc điểm
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	Đây là sản phẩm phát triển mạnh trong những năm gần đây, với tốc độ tăng trưởng khá cao, tỷ trọng tăng.
Công nghiệp cơ khí	Đây là ngành công nghiệp nền tảng. Tuy nhiên, thời gian qua chưa có sự phát triển mạnh. Trong thời gian tới, cần có biện pháp để thúc đẩy ngành phát triển để đảm bảo sự phát triển bền vững ngành công nghiệp.
Sản xuất, chế biến thực phẩm	Chiếm tỷ trọng thấp trong sản xuất công nghiệp. Sản xuất, chế biến thực phẩm chưa hình thành được vùng quy mô nguyên liệu lớn, quy trình sản xuất nhiều sản phẩm trong nông nghiệp chưa đáp ứng được các yêu cầu cho chế biến xuất khẩu.



Căn cứ vào bảng 4, hãy kể tên một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh Bắc Giang có tốc độ tăng trưởng nhanh trong thời gian gần đây?

Khu công nghiệp: tính đến hết năm 2022, Bắc Giang có 5 khu công nghiệp gồm Khu công nghiệp Đình Trám, diện tích 127,4 ha; Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng, diện tích 158,7 ha; Khu công nghiệp Quang Châu, diện tích 426 ha; Khu công nghiệp Vân Trung, diện tích 350,3 ha; Khu công nghiệp Việt Hàn diện tích 197,31 ha. Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trong 5 khu công nghiệp là 443. Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp sản xuất tập trung vào 4 lĩnh vực là điện tử, may mặc, sản xuất nhựa, pin năng lượng mặt trời.

Một số doanh nghiệp điển hình trong lĩnh vực điện tử: Công ty TNHH Luxshare-ICT (Vân Trung), Công ty TNHH Fuhong Precision Component (Bắc Giang), Công ty TNHH New Wing Interconnect Technology (Bắc Giang), Công ty TNHH Công nghệ Lens Việt Nam, Công ty TNHH SI Flex Việt Nam...



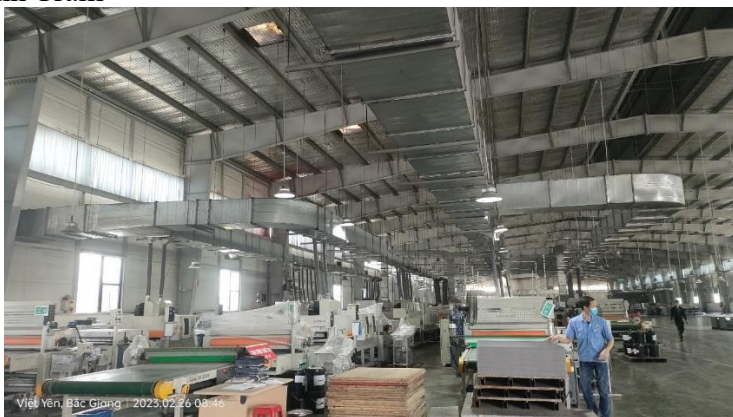
Hình 9. ảnh tại Công ty TNHH Fuhong Precision Component (Bắc Giang), KCN Đình Trám.

Một số doanh nghiệp điển hình trong lĩnh vực may mặc: Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam), Công ty TNHH Youngone Bắc Giang, Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang...



Hình 10. ảnh tại Công ty TNHH Youngone Bắc Giang, KCN Đình Trám

Một số doanh nghiệp điển hình trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa: Công ty TNHH Hoa Hạ Việt Nam, Công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam, Công ty TNHH Toyoplas Manufacturing (Bắc Giang)...



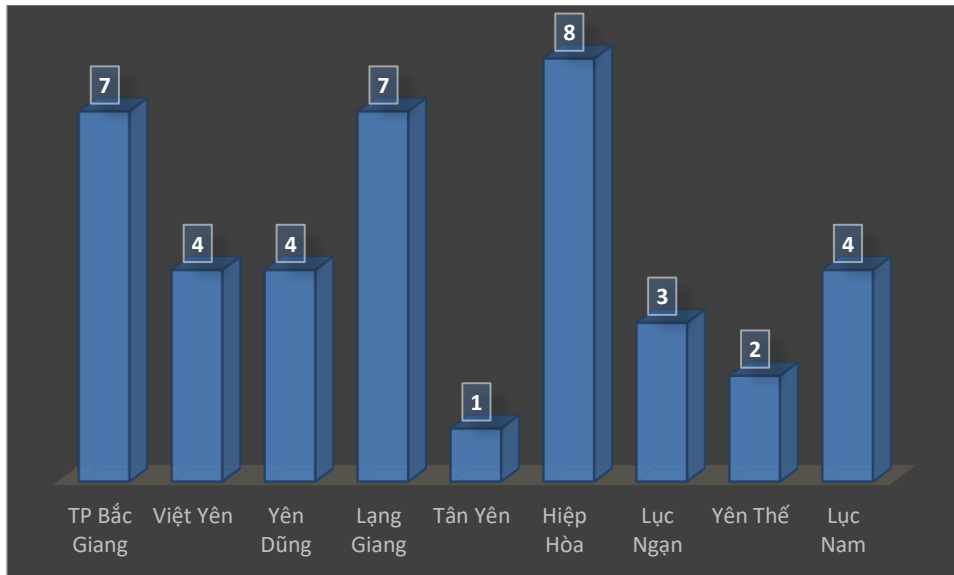
Hình 11. ảnh tại Công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam, KCN Quang Châu.

Một số doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất pin năng lượng mặt trời: Công ty TNHH JA Solar Việt Nam, Công ty TNHH Vina Solar Technology, Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật năng lượng mặt trời BoViet...



Hình 12. ảnh tại Công ty TNHH JA Solar Việt Nam, KCN Quang Châu

Đến năm 2020, toàn tỉnh đã thành lập được 40 cụm công nghiệp với diện tích 1.384,4 ha, trong đó, có 28 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động, thu hút được nhiều dự án đầu tư. Các CCN đã đi vào hoạt động được bố trí cơ bản trải trên địa bàn các huyện, thành phố.



Hình 13: Số lượng các cụm khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (Báo cáo sở Công Thương năm 2020)



- Quan sát hình 13, hãy nhận xét về số lượng và sự phân bố cụm công nghiệp ở các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.
- Tìm hiểu và cho biết tên, địa điểm, sản phẩm tạo ra từ các cụm công nghiệp ở địa phương em?

Hoạt động sản xuất của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với nhiều doanh nghiệp sản xuất tạo ra nguồn thu ngoại tệ lớn làm tăng ngân sách chung của tỉnh.

Bảng 5: Tổng hợp nộp ngân sách nhà nước của các dự án đầu tư qua các năm tỉnh Bắc Giang

TT	Nội dung	2000	2005	2010	2015	2017	2020
	Tổng thu ngân sách (Tỷ đồng)	133.3	497.6	2246.6	3839.1	6330.4	12120
	Trong đó:						
1	Thu từ các DA đầu tư	26.7	143.1	547.4	1199.7	1569.3	2704
	Trong Khu công nghiệp	0	1.2	261.5	653.3	962	1.75
	Ngoài Khu công nghiệp	26.7	141.9	285.9	546.4	607.3	954
2	Tỷ lệ đóng góp các dự án vào ngân sách (%)	20	28.7	24.4	31.3	24.8	22.3
	Trong Khu công nghiệp	0	0.2	11.6	17	15.2	14.4
	Ngoài Khu công nghiệp	20	28.5	12.7	14.2	9.6	7.9

(Nguồn: Đề án nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư tỉnh Bắc Giang đến năm 2030)



Dựa vào bảng, hãy nhận xét về vai trò của các khu công nghiệp và cụm công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế tỉnh Bắc Giang trong những năm qua?



Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó nhấn mạnh, đến năm 2030, Bắc Giang trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô GRDP đứng trong nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước và đứng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Về kinh tế, tỉnh Bắc Giang đặt mục tiêu phân đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt khoảng 15 - 16%. Cơ cấu kinh tế, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 66 - 67% (công nghiệp chiếm 60%). GRDP bình quân đầu người năm 2030 đạt khoảng 9.800 USD. Theo tổng cục thống kê tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh Bắc Giang quý I/2022 đạt trên 15%, quý II đạt trên 36% và 6 tháng đầu năm ước trên 24% dẫn đầu cả nước.

### LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Tìm hiểu, lập bảng thống kê một số sản phẩm công nghiệp tương ứng với các ngành công nghiệp ở Bắc Giang

STT	Ngành công nghiệp	Sản phẩm	Tên, địa điểm một số doanh nghiệp sản xuất sản phẩm
1	Khai khoáng		
2	Chế biến, chế tạo		
3	Sản xuất, phân phối điện, khí đốt		
4	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải		

2. Cho biết tên và phân tích các điều kiện phát triển ngành công nghiệp nổi bật ở địa phương em hiện nay. Với điều kiện hiện nay của địa phương em thì có thể phát triển thêm những ngành công nghiệp nào?

3. Tìm hiểu những yêu cầu tham gia vào nhóm nghề sản xuất công nghiệp, từ đó tự đánh giá bản thân trước những yêu cầu về kỹ năng và phẩm chất đối với người lao động để xem bản thân có phù hợp với nhóm nghề nào trong các nhóm nghề thuộc ngành công nghiệp.



## Bài 3

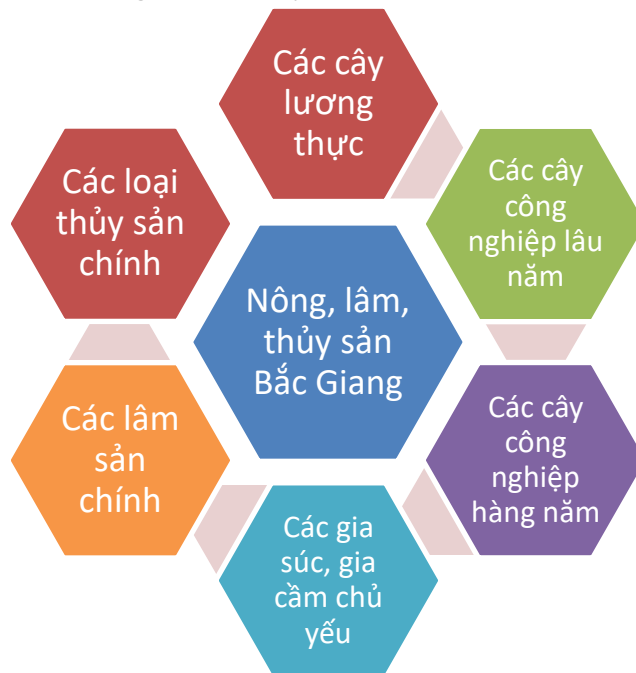
# NGÀNH NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TỈNH BẮC GIANG

### Mục tiêu

- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản ở tỉnh Bắc Giang.
- Kể tên và xác định được một số sản phẩm tiêu biểu của các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Giang.
- Phân biệt được sản xuất nông nghiệp truyền thống với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, từ đó xác định yêu cầu về trình độ, phẩm chất, năng lực của bản thân có phù hợp với nhóm nghề sản xuất nông nghiệp theo mô hình công nghệ cao hay không.

### MỞ ĐẦU

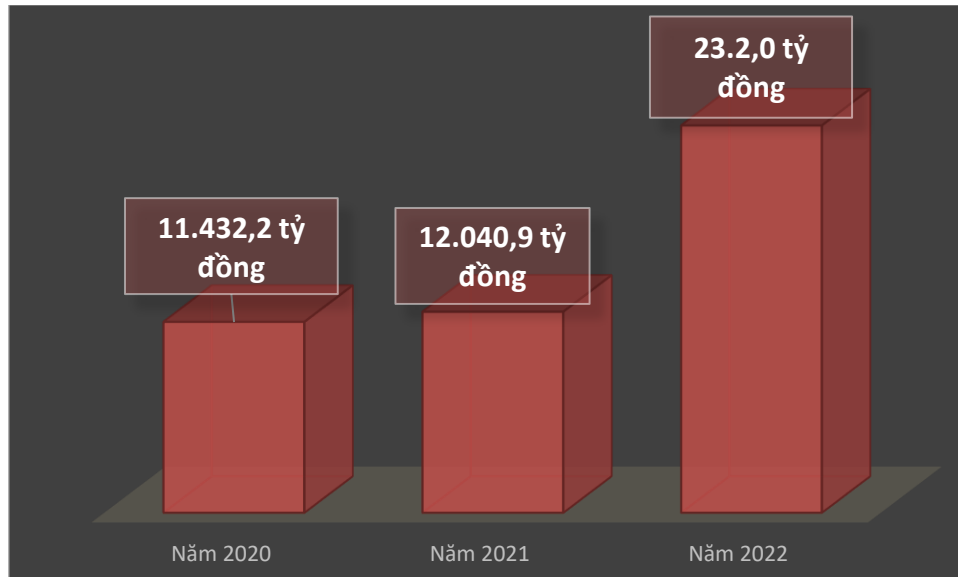
Liệt kê các sản phẩm nông, lâm, thủy sản của tỉnh Bắc Giang theo gợi ý sau



### HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

#### 1. Khái quát chung sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Ngành nông, lâm, thủy sản có vai trò quan trọng của nền kinh tế, đảm bảo nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu cho nhân dân. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá so sánh năm 2010) tăng từ 14.604 tỷ đồng (năm 2010) lên 20.266 tỷ đồng (năm 2020), tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 4,1%/năm.

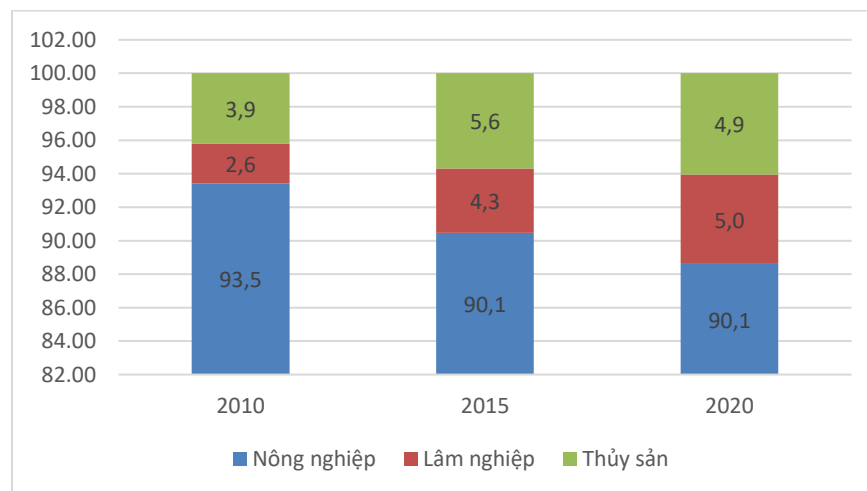


Hình 16. Quy mô tổng sản phẩm (GRDP) của ngành nông, lâm, thủy sản tỉnh Bắc Giang (nguồn niên giám thông kê năm 2020, 2021 và BC cục thống kê tỉnh năm 2022)



Căn cứ hình 16, hãy nhận xét và đánh giá ý nghĩa của sự thay đổi GRDP của ngành nông, lâm, thủy sản tỉnh Bắc Giang đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh?

Cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Giang có tỷ trọng không đều và đang có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng của ngành nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng của ngành lâm nghiệp, thủy sản. Các sản phẩm chủ lực của tỉnh là cây ăn quả, cây lúa, cây rau, cây lấy gỗ, con lợn, con gà, con cá.



Hình 17. Cơ cấu ngành nông, lâm, thủy sản tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010-2020 (Nguồn: Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)

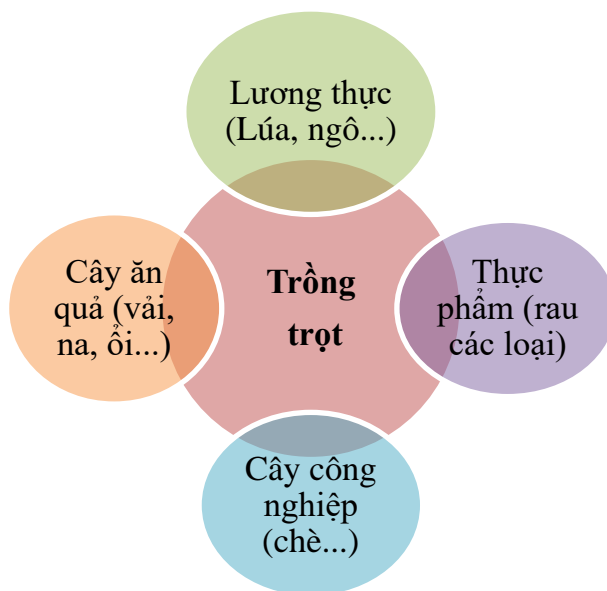


Căn cứ vào hình 17, hãy nhận xét cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản các năm 2010, 2015, 2020. Tỷ trọng của ngành nào đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản ?

## 2. Sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Giang

### 2.1. Trồng trọt:

Trong nông nghiệp, ngành trồng trọt chiếm tỷ trọng cao nhất nhưng đang có xu hướng giảm về tỷ trọng từ 60,9% (năm 2010) còn 53,5% (năm 2020). Trong những năm qua, phát triển mạnh các cây trồng có lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường giảm tỷ trọng giá trị sản xuất cây lương thực, tăng tỷ trọng cây ăn quả, cây rau, cây công nghiệp, lúa chất lượng.




Hãy cho biết, địa phương em phát triển những nhóm cây trồng nào? Vì sao?

Bảng 6: Tình hình phát triển và phân bố một số cây trồng ở tỉnh Bắc Giang

TT	Cây trồng	Năm 2016	Năm 2019	Các huyện trồng nhiều năm 2019
1	Cây lương thực có hạt	120260	112833	Hiệp Hòa, Lục Nam, Lạng Giang...
	Trong đó:			
	Lúa (ha)	109517	102846	Lục Nam, Hiệp Hòa, Yên Dũng...
	Ngô (ha)	10743	9987	Tân Yên, Lục Ngạn, Sơn Động..
	Khoai lang (ha)	5614	4777	Lạng Giang, Lục Ngạn, Lục Nam...
	Sắn (ha)	4292	2652	Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế...
2	Rau	23611	21921	Lục Nam, Hiệp Hòa, Lục Ngạn...
3	Cây ăn quả	47014	50466	Lục Ngạn, Lục Nam...

	Trong đó: Vải, chôm chôm	29479	28126	Lục Ngạn, Lục Nam...
4	Cây công nghiệp lâu năm (chè)	524	503	Yên Thế...

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Giang, 2020)

 Dựa vào bảng 6, hãy trình bày sự phát triển và phân bố cây trồng chính của tỉnh Bắc Giang?

## 2.2. Chăn nuôi

Ngành chăn nuôi đã góp phần vào việc cung cấp những thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao cho nhân dân, đảm bảo sức kéo, phân bón cho trồng trọt, tận dụng hợp lý nguồn lao động, tăng thu nhập cho nhân dân và một phần tạo hàng xuất khẩu.

Cơ sở thức ăn, chuồng trại ngày càng được đảm bảo tốt hơn, dịch vụ giống, thú y có nhiều tiến bộ nên giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi liên tục tăng. Năm 2020 đã đạt được 7.188 tỷ đồng gấp khoảng 2,5 lần năm 2010. Tuy nhiên, dịch bệnh vẫn xảy ra làm hiệu quả chăn nuôi chưa thật cao và ổn định.

Vật nuôi	Năm 2016	Năm 2019	Các huyện nuôi nhiều năm 2019
Trâu (con)	51,325	44,127	Lục Ngạn, Lục Nam, Sơn Động, Yên Thế...
Bò (con)	137,217	137,760	Hiệp Hòa, Lạng Giang, Tân Yên...
Lợn (con)	1,305,942	818,027	Tân Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa..
Ngựa (con)	3,012	4,202	Lục Ngạn, Hiệp Hòa, Việt Yên, Tân Yên..
Dê, cừu (con)	27,510	28,694	Lục Ngạn, Yên Thế, Hiệp Hòa...
Gia cầm (Nghìn con)	17,017	17,762	Yên Thế, Tân Yên, Lục Nam, Lục Ngạn...
Trong đó: Gà	14,986	15,649	
Vịt, ngan, ngỗng	2,031	2,113	

Bảng 7: Số lượng một số vật nuôi của tỉnh Bắc Giang (con)

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Giang)

 Dựa vào bảng 7, hãy

- Trình bày những nét khái quát về tình hình phát triển và phân bố các vật nuôi chính tỉnh Bắc Giang?
- Địa phương em chăn nuôi loài nào nhiều nhất? Vì sao?

## 2.3. Xu hướng phát triển

Trong những năm gần đây, trên địa bàn tỉnh đã hình thành nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thay thế mô hình sản xuất nông nghiệp theo phương thức truyền thống.

Xu hướng này được thể hiện trong việc quy hoạch đất đai, hình thành vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, đưa cơ giới hóa vào sản xuất, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào



lĩnh vực nông nghiệp, đẩy mạnh cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ vào sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường. Đồng thời quan tâm đào tạo, nâng cao kỹ năng, tri thức hóa người nông dân để đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn.

Tính đến hết năm 2020, có 332 mô hình trồng trọt ứng dụng công nghệ cao và 200 mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao trong việc sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh.



Hình 18. Nhà màng trồng dưa lưới ở xã Châu Minh (Hiệp Hòa) được lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt.



Hình 19. Nuôi thủy sản theo công nghệ “ Sông trong ao” ở xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng.

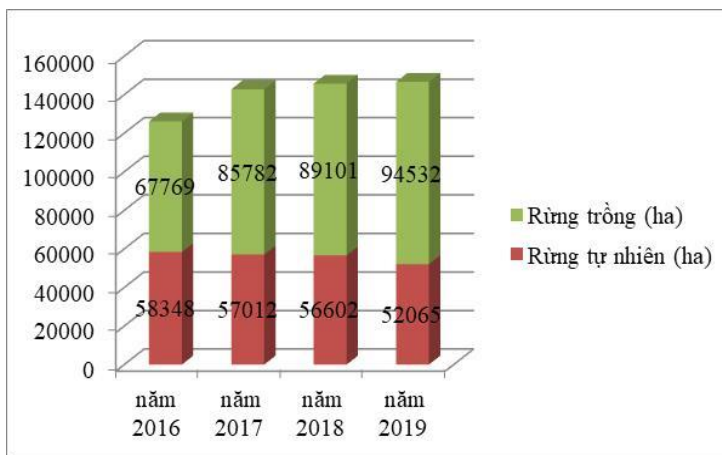


- Từ những thông tin trên, hãy cho biết địa phương em có sản phẩm chủ lực nào được sản xuất theo mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao?

- Hãy phân biệt sản xuất nông nghiệp truyền thống với sản xuất nông nghiệp công nghệ cao theo các tiêu chí: quy mô, mục đích, phương thức, mối quan tâm của người sản xuất.

### 3. Sản xuất lâm nghiệp

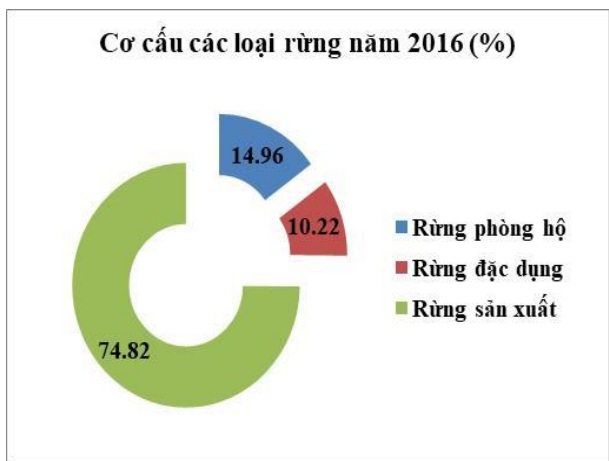
Bắc Giang là tỉnh miền núi trung du nên có tiềm năng lớn về sản xuất lâm nghiệp. Rừng Bắc Giang tập trung chủ yếu ở các huyện Sơn Động, Lục Nam, Lục Ngạn và Yên Thế. Giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp (theo giá hiện hành) tăng liên tục, chủ yếu đến từ hoạt động trồng, khai thác rừng sản xuất. Năm 2020 đạt 1.090 tỷ đồng gấp khoảng 5 lần so với năm 2010. Các lâm sản chủ yếu bao gồm gỗ, gỗ nguyên liệu giấy, tre, măng tươi...



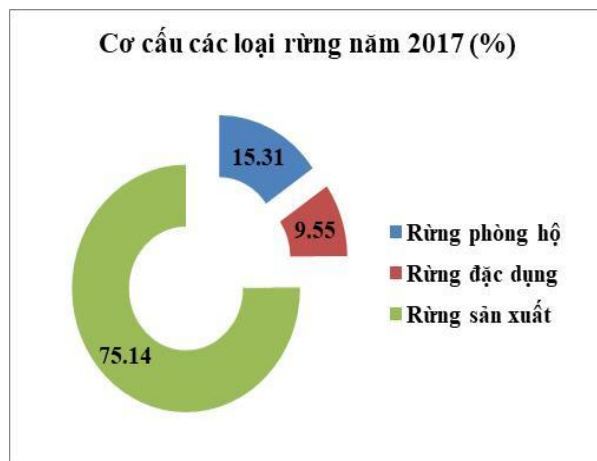
Hình 20. Diễn biến diện tích rừng tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2019



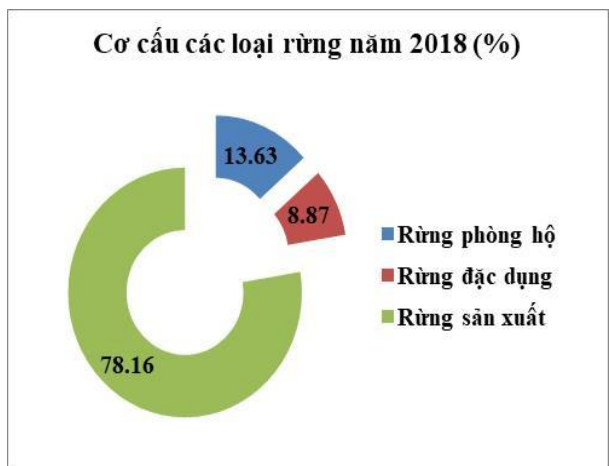
Dựa vào hình 20, hãy nhận xét diễn biến diện tích rừng tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2019 và giải thích nguyên nhân.



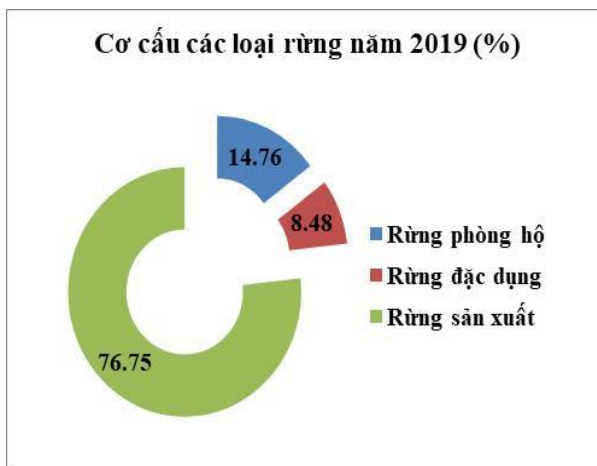
Hình 21



Hình 22



Hình 23



Hình 24



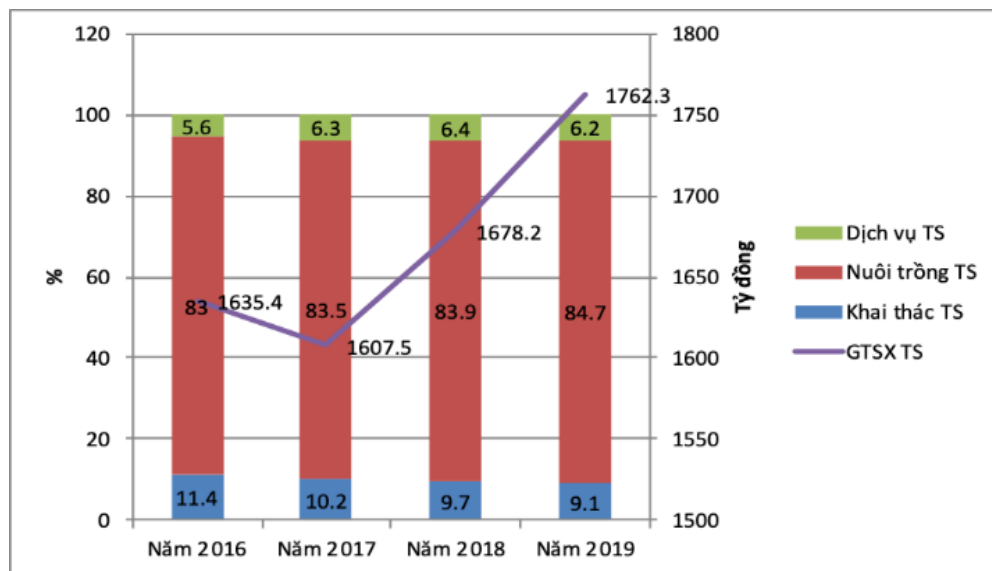
Dựa vào hình 21, 22, 23, 24, hãy nhận xét sự thay đổi cơ cấu các loại rừng ở Bắc Giang. Cho biết vai trò của từng loại rừng. Tìm hiểu cho biết các nghề phù hợp sản xuất lâm nghiệp.

#### 4. Sản xuất thủy sản

Bắc Giang có hệ thống sông, hồ phong phú thuận lợi cho việc phát triển thủy sản nước ngọt. Các loại thủy sản chủ yếu là cá, tôm.

Nhiều mô hình nuôi thủy sản áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và an toàn sinh học đã hình thành. Một số vùng chuyên canh nuôi thủy sản tập trung tại các huyện Việt Yên, Yên Dũng, Tân Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa, Thành phố Bắc Giang với diện tích khoảng 630 ha, trong đó được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP với diện tích 180,4 ha.

Bước đầu tại các vùng sản xuất thủy sản tập trung đã có sự liên kết trong sản xuất và tiêu thụ.



Hình 25. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nội ngành thủy sản giai đoạn 2016 – 2019 (giá hiện hành)

Nguồn: Báo cáo kinh tế xã hội tỉnh Bắc Giang 2016 - 2019



Căn cứ vào hình 25, hãy nhận xét cơ cấu sản xuất thủy sản và nêu vai trò ngành sản xuất thủy sản.



Theo Kế hoạch số 229/KH-UBND ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã xác định đến năm 2050 Bắc Giang là một trong những tỉnh có nền nông nghiệp trọng điểm quốc gia,

nằm trong tập đứng đầu miền Bắc. Sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các bon thấp, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nông thôn không còn hộ nghèo và trở thành “nơi đáng sống”, văn minh, xanh, sạch, đẹp với điều kiện sống, thu nhập dân cư nông thôn tiệm cận và kết nối chặt chẽ, hài hòa với đô thị.

### LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Lựa chọn các thông tin ở cột A với cột B cho phù hợp

A	B
<p>A1) Trồng cây nông nghiệp lâu năm.</p> <p>A2) Trồng lúa.</p> <p>A3) Lâm nghiệp.</p> <p>A4) Thủy sản</p>	<p>B1) Thực hiện dự án trồng rừng.</p> <p>B2) Có 3 con sông lớn là sông Cầu, sông Lục Nam và sông Thương; có nhiều hồ với diện tích khoảng gần 5.000 ha bao gồm 273 các hồ chứa lớn nhỏ điển hình như hồ Cẩm Sơn diện tích 2.600 ha; hồ Khuôn Thân diện tích 240 ha, hồ Suối Nứa, hồ Cầu Rễ, hồ Đá Ong, hồ Suối Cây</p> <p>B3) Phát triển các vùng trồng cây ăn quả tập trung quy mô lớn, có chất lượng cao đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP.</p> <p>B4) Có đồng bằng phù sa, mở rộng diện tích gieo cấy đảm bảo an ninh lương thực lâu dài.</p> <p>B5) Quỹ đất tương đối lớn lại có nhiều nhóm đất khác nhau như đất phù sa, đất ferlit</p>

2. Địa phương em có thể mạnh để phát triển những ngành nào trong nhóm ngành nông, lâm, thủy sản. Trình bày những điều kiện thuận lợi, khó khăn của địa phương đối với những ngành đó.

3. Tìm hiểu cơ sở sản xuất nông, lâm, thủy sản công nghệ cao ở địa phương em, từ đó tự đánh giá bản thân có phù hợp với ngành nghề đó hay không.

**Gợi ý:** tìm hiểu theo các tiêu chí: tên cơ sở; địa điểm; quy mô sản xuất; sản phẩm; nhu cầu của xã hội; yêu cầu về trình độ, phẩm chất, năng lực của người lao động, thu nhập bình quân của người lao động.



## Bài 4

# CÁC NGÀNH DỊCH VỤ TỈNH BẮC GIANG

### Mục tiêu

- Kể tên được một số ngành dịch vụ của tỉnh Bắc Giang.
- Trình bày được tình hình phát triển của một số ngành dịch vụ của tỉnh Bắc Giang.

### MỞ ĐẦU

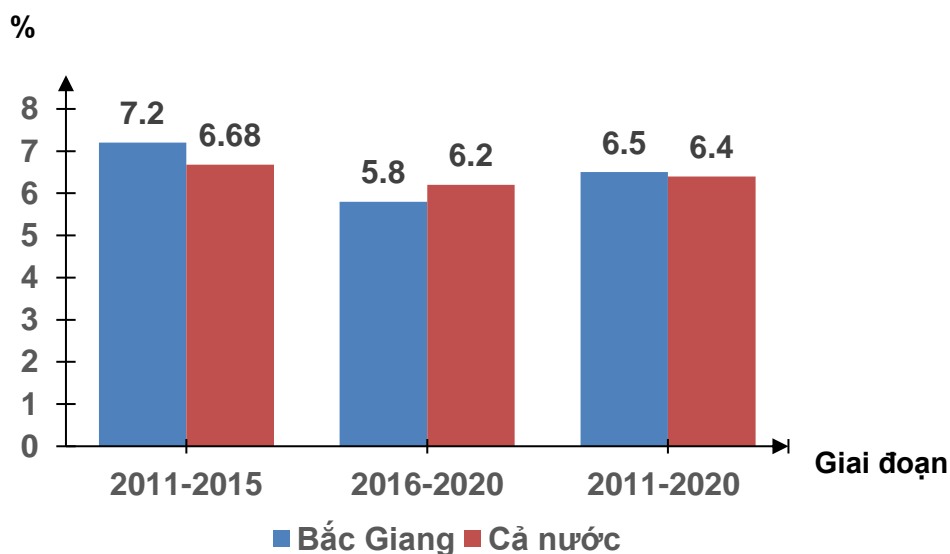
Kể tên các ngành/ hoạt động dịch vụ mà em biết. Địa phương em có ngành/hoạt động dịch vụ đó không? Vì sao?

### HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

#### 1. Khái quát chung về ngành dịch vụ

Ngành dịch vụ có tốc độ tăng trưởng ổn định song không cao. So với cả nước, ngành dịch vụ của tỉnh chiếm trong cơ cấu kinh tế khá thấp.

Trong cơ cấu ngành dịch vụ, lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, vận tải (28,5%), bất động sản (16,1%) và một số dịch vụ công như giáo dục, y tế (19,8%) vẫn chiếm tỷ trọng lớn, cơ cấu ngành dịch vụ không có sự chuyển dịch nhiều.



Hình 26: Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành dịch vụ tỉnh Bắc Giang và cả nước trong giai đoạn từ 2011 đến 2020



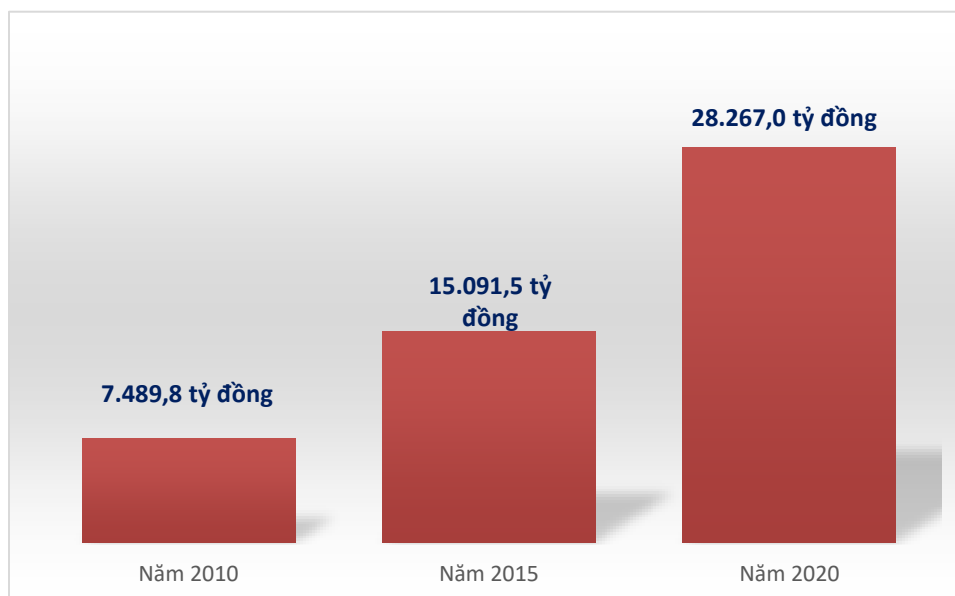
Căn cứ vào hình 26, hãy nhận xét tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ tỉnh Bắc Giang qua các năm và so với cả nước. Sự tăng trưởng này có ý nghĩa như thế nào trong việc phát triển kinh tế của tỉnh Bắc Giang?

## 2. Sự phát triển một số ngành dịch vụ tiêu biểu ở Bắc Giang.

### 2.1. Ngành thương mại

#### a. Nội thương:

Hoạt động thương mại khá phát triển, thị trường hàng hóa, dịch vụ cơ bản đáp ứng các hoạt động kinh tế và đời sống nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa liên tục tăng qua các năm.



Hình 27: Tổng mức bán lẻ hàng hóa theo giá hiện hành các năm 2010, 2015, 2020

(Nguồn niên giám thống kê Bắc Giang năm 2015, 2021)



Căn cứ vào hình 27, hãy nhận xét tổng mức bán lẻ hàng hóa của Bắc Giang giai đoạn 2010 – 2020.

Ngành thương mại ở Bắc Giang phát triển hơn ở trung tâm huyện, thành phố đặc biệt là thành phố Bắc Giang. Mạng lưới cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ được củng cố, hàng hóa đa dạng, phong phú, nhiều chủng loại đáp ứng nhu cầu mua sắm người tiêu dùng. Năm 2020, toàn tỉnh có chợ 133 chợ được xếp hạng; 16 siêu thị và trung tâm thương mại.



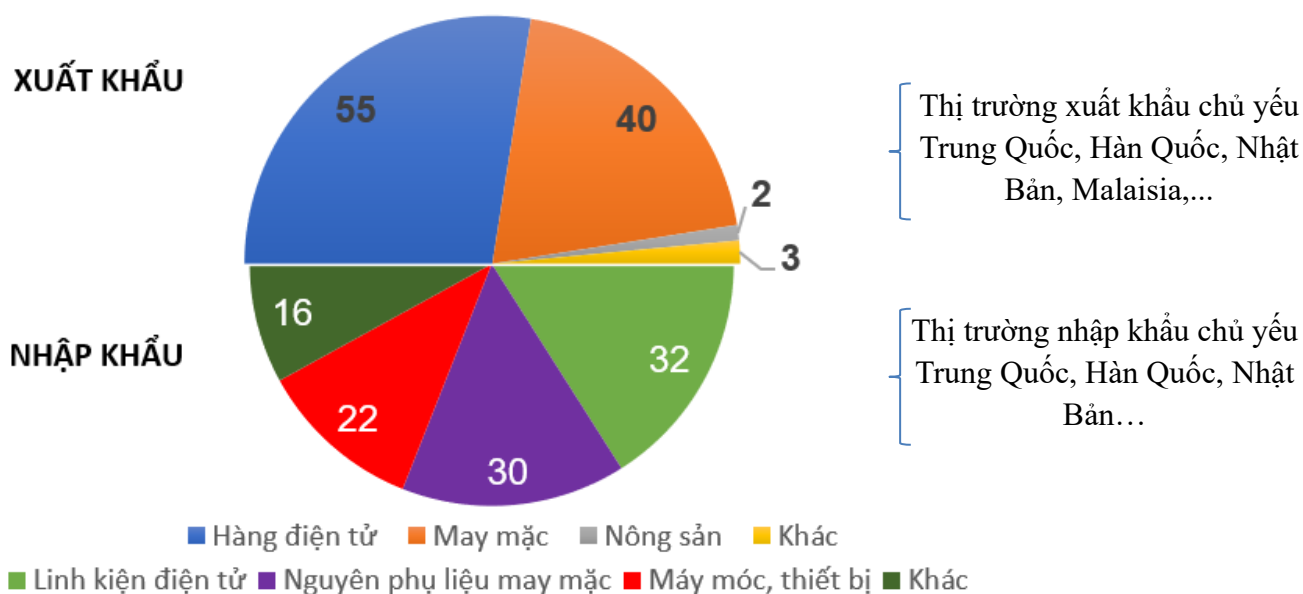
Hoạt động mua sắm ở tại cửa hàng Vinmart trên đường Nguyễn Thị Lưu, TP Bắc Giang

Ngoại thương ở Bắc Giang được thể hiện qua việc giao lưu buôn bán với các tỉnh trong cả nước và với nước ngoài (còn gọi là hoạt động xuất nhập khẩu)

Với sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh có mức tăng trưởng vượt bậc, tăng từ 333 triệu USD (năm 2010) lên 11,2 tỷ USD (năm 2020) đứng thứ 8 cả nước; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2020 là 42,1%. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh là: hàng may mặc, thiết bị, linh kiện điện tử, hàng nông sản.

Kim ngạch nhập khẩu tăng từ 342,8 triệu USD (năm 2010) lên 10,58 tỷ USD (năm 2020); tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2020 là 40,9%.

Năm 2022, Bắc Giang nằm trong top 10 địa phương xuất siêu lớn nhất.



Hình 28: Các mặt hàng xuất nhập khẩu tỉnh Bắc Giang năm 2020

(Nguồn: Nguồn: Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kì 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)



Căn cứ vào hình 28, cho biết:

- Năm 2020 tỉnh Bắc Giang xuất khẩu chủ yếu những mặt hàng nào? Mặt hàng nào xuất khẩu nhiều nhất? Vì sao.
- Thị trường xuất, nhập khẩu chủ yếu của tỉnh?


## 2.2. Giao thông vận tải

Mạng lưới giao thông của tỉnh phân bố tương đối hợp lý bao gồm 3 loại hình: giao thông đường bộ, đường sắt và đường sông. Điều này đã tạo thuận lợi cho giao lưu kinh tế, văn hoá, xã hội giữa Bắc Giang với các tỉnh lân cận, giữa các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội trong tỉnh, phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

Loại hình vận tải	Số lượng hành khách		Khối lượng hàng hóa	
	Vận chuyển (nghìn người)	Luân chuyển (nghìn người.km)	Vận chuyển (nghìn tấn)	Luân chuyển (nghìn tấn.km)
Đường bộ	28,935	1,359,798	34,571	884,794
Đường sông	1121	1123	1811	65,810
Đường biển	0	0	0	0
Đường sắt (TW quản lý)	14.2	-	83.2	-
Đường hàng không	0	0	0	0
<b>Tổng</b>	<b>30,056</b>	<b>1,360,921</b>	<b>36,382</b>	<b>950,604</b>

Bảng 8: Cơ cấu vận tải năm 2019 tỉnh Bắc Giang.

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Giang 2020; Phương án phát triển hạ tầng giao thông – vận tải tỉnh bắc giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)

 Căn cứ vào bảng 8, nhận xét số lượng vận chuyển, luân chuyển hành khách và hàng hóa của ngành giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang năm 2019.

- *Đường bộ*: Mạng lưới đường phát triển rộng khắp. Mật độ đường toàn tỉnh là 0,87 km/km<sup>2</sup>, cao hơn mật độ trung bình cả nước (0,81 km/km<sup>2</sup>). Có 3 huyện có mật độ đường/ diện tích thấp hơn hẳn là Lục Ngạn, Sơn Động và Yên Thế.

Nhiều tuyến đường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp như: cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn; quốc lộ 1, 37, 17... Hoàn thành cải tạo nâng các tuyến đường tỉnh: ĐT 298, ĐT 296, ĐT 299, ĐT 297, ĐT295, ĐT 295B (đoạn TP Bắc Giang- Cầu Đáp Cầu); ĐT 398 (đoạn Đồng Việt – QL1)... Xây dựng một số cầu như cầu Yên Dũng, cầu Lãn Chè, cầu Đông Xuyên ... cầu Xuân Cầm kết nối với tỉnh Bắc Ninh và thành phố Hà Nội. ...



Hình 29: Bắc Giang đang từng bước nâng cao chất lượng hạ tầng giao thông đường bộ



Hình 30: Cảng sông bốc xếp gạch ngói Trí Yên (Yên Dũng).

Hệ thống giao thông nông thôn ngày càng phát triển. Hàng nghìn km đường thôn xóm được bê tông hóa (100% các thôn có đường ô tô đi lại được quanh năm) góp phần thay đổi bộ mặt giao thông nông thôn, thúc đẩy kinh tế-xã hội của địa phương ngày càng phát triển.

Nhiều tuyến đường đô thị được nâng cấp và xây mới theo các dự án khu đô thị đã giải quyết được yêu cầu mở rộng không gian, nâng cao chất lượng đô thị.

- *Mạng lưới đường thủy* phát triển trên 3 con sông là sông Thương, sông Cầu và sông Lục Nam do trung ương quản lý, tổng chiều dài 222 km. Nhiều tuyến sông chưa được nạo vét, vận tải đường thủy nội địa còn hạn chế, đặc biệt là vận tải hàng hóa.

Hiện tại có 03 cảng tủy nội địa, trong đó có 02 cảng là Á Lữ (sông Thương) và cảng nhà máy phân đạm và hóa chất Hà Bắc (sông Thương) hình thành từ khá lâu, cảng tổng hợp Mỹ An (sông Lục Nam) mới được đầu tư.

- *Đường sắt*: Trên địa bàn tỉnh có 3 tuyến đường sắt quốc gia chạy qua, không kể tuyến chuyên dùng phục vụ cho nhà máy đạm và hoá chất Hà Bắc, gồm

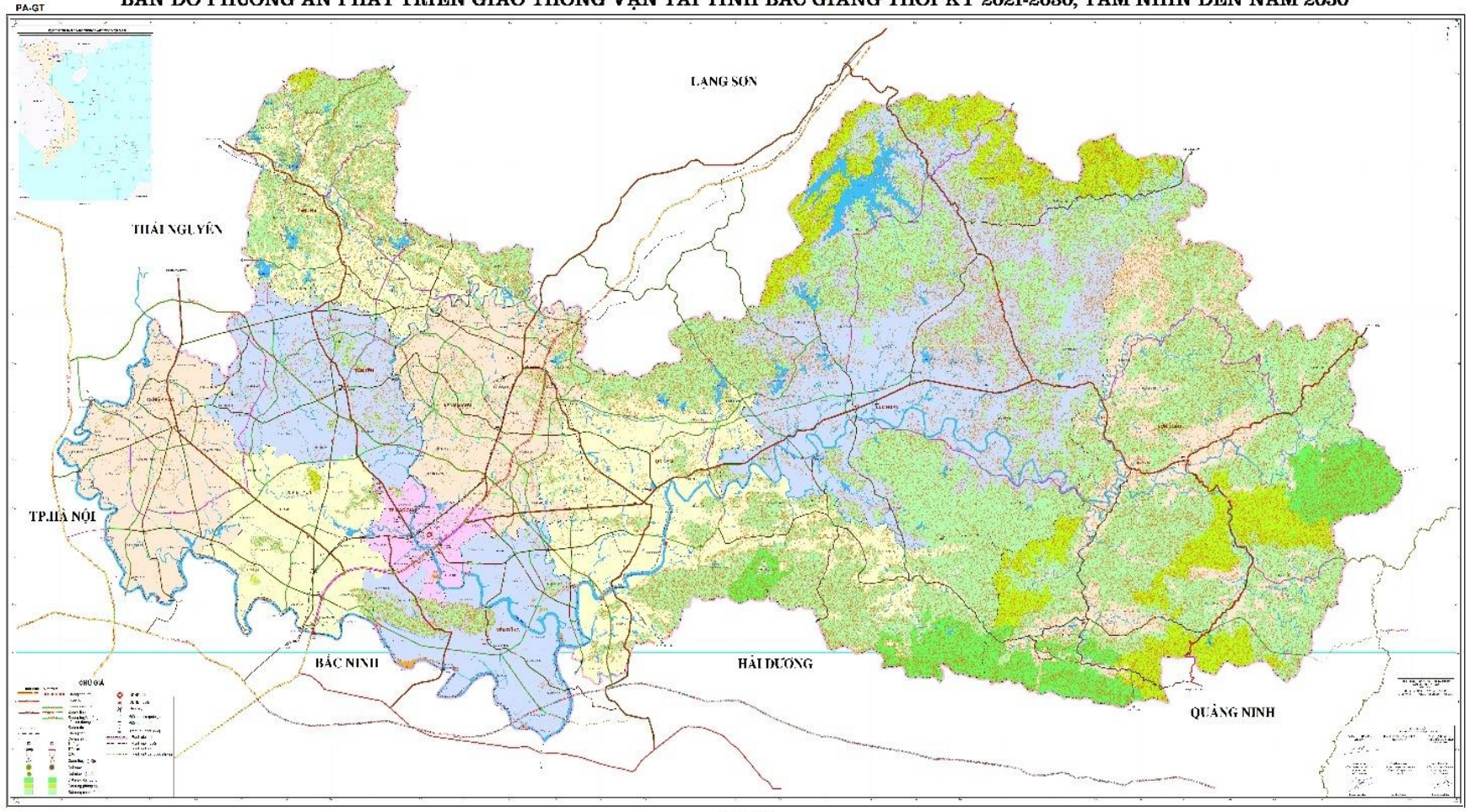
+ Hà Nội – Đồng Đăng: song song với QL1 và cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn, qua địa phận tỉnh Bắc Giang dài 40 km, có 4 ga trên địa phận tỉnh, trong đó 2 ga quan trọng là ga Bắc Giang và ga Kép.

+ Kép – Hạ Long nối với tuyến Hà Nội – Đồng Đăng từ ga Kép, qua địa phận tỉnh Bắc Giang dài 29,77 km, đến xã Cẩm Lý; có 4 ga với 2 ga quan trọng là ga Kép và ga Cẩm Lý.

+ Kép – Lưu Xá: nối với tuyến Hà Nội – Đồng Đăng từ ga Kép, qua địa phận tỉnh Bắc Giang dài 23 km, đến Mỏ Trạng (Lưu Xá, Thái Nguyên). Hiện nay đang ngừng hoạt động trên địa bàn Bắc Giang.



**BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH BẮC GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**



Căn cứ hình 31, trình bày đặc điểm mạng lưới giao thông Bắc Giang.

### 2.3. Du lịch

Bắc Giang đã khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh phát triển du lịch. Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch được cải thiện như: các tuyến đường giao thông, điện, công viên, quảng trường...; mạng lưới khách sạn, nhà hàng có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng; thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch dịch vụ được đẩy mạnh.



Hình 32: Chùa Bồ Đà, Việt Yên Bắc Giang, Hình 33: Du lịch sinh thái bản Ven, Yên Thế  
khu du lịch tâm linh

Lượng khách du lịch Bắc Giang có sự tăng trưởng qua các năm, năm 2011 có 160 nghìn lượt khách, chiếm 0,44% tổng khách du lịch cả nước. Đến năm 2019, có khoảng 2.026 nghìn lượt khách (chiếm 2,35% tổng khách du lịch cả nước). Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2020 đạt 22,5%/năm.

Năm 2019, tổng chi tiêu của khách du lịch đến tỉnh 787 tỷ đồng, năm 2020 đạt khoảng 557 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn đạt 5,7%/năm.

Một số sản phẩm du lịch chính được hình thành, tạo điểm nhấn cho du lịch Bắc Giang như: Du lịch văn hóa - tâm linh gắn với các di tích đình, chùa (Du lịch Tây Yên Tử - theo dấu chân Phật Hoàng Trần Nhân Tông; Vĩnh Nghiêm, Bồ Đà, đình Lỗ Hạnh ...); du lịch lịch sử - văn hóa gắn với các sự kiện, di tích lịch sử (khởi nghĩa Yên Thế, thành cổ Xương Giang, ATKII Hiệp Hòa ...); du lịch sinh thái gắn với các cảnh quan tự nhiên (Khe Rỗ, Tây Yên Tử, Đồng Cao, Xuân Lung - Thác Ngà, hồ Cẩm Sơn, Khuôn Thần ...); du lịch cộng đồng, trải nghiệm đời sống sinh hoạt cộng đồng các dân tộc (bản Ven, xã Xuân Lương, huyện Yên Thế; bản Nà Ó, xã Vĩnh An, huyện Sơn Động).

**Bảng 9: Thực trạng khách du lịch và doanh thu từ dịch vụ du lịch 2011-2020**

Danh mục	Năm 2011	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1. Tổng số khách du lịch (nghìn người)	160,0	408,0	519,9	1.208,1	1.511,4	2.026,5	1.000,0



Trong đó:							
- Khách nội địa	156,9	400,0	508,9	1.193,0	1.491,0	1.994,0	988,0
- Khách quốc tế	3,1	8,0	11,0	15,1	20,4	32,5	12,0
2. Doanh thu của khách du lịch (tỷ đồng)	338	516	573	637	708	787	557

(Nguồn: Phương án phát triển dịch vụ tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)



Dựa vào bảng 9 nhận xét số khách và doanh thu du lịch của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2020. Tại sao doanh thu của năm 2019, 2020 lại bị giảm nhiều so với những năm trước? Từ đó cho biết một số yếu tố ảnh hưởng đến doanh thu của ngành du lịch tỉnh Bắc Giang.

### LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Cho các thông tin dưới đây:

- (1) Vị trí địa lí.
- (2) Trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động xã hội.
- (3) Quy mô, cơ cấu dân số.
- (4) Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán.
- (5) Điều kiện tự nhiên (địa hình, đất, nguồn nước, khí hậu,...)
- (6) Phân bố dân cư.
- (7) Tài nguyên khoáng sản.
- (8) Mức sống và thu nhập của người dân.
- (9) Cơ sở hạ tầng.
- (10) Di sản văn hóa, lịch sử.

Từ các thông tin trên em hãy

- Lựa chọn các nhân tố ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ của Bắc Giang. Phân tích 1 dịch vụ cụ thể
- Lựa chọn một dịch vụ trong các ngành dịch vụ ở Bắc Giang để phân tích tác động của các nhân tố đến sự phát triển của ngành dịch vụ đó.
- Bổ sung các nhân tố khác (nếu có).

2. Kể tên các tuyến giao thông, chợ, siêu thị/trung tâm thương mại tại địa phương nơi em sinh sống.

3. Giải thích vì sao các đầu mối giao thông, các chợ lớn, trung tâm thương mại, siêu thị của tỉnh lại tập trung chủ yếu ở thành phố Bắc Giang.

4. Lựa chọn 2 huyện/thành phố trong tỉnh, em hãy lập bảng phân biệt bức tranh hạ tầng giao thông ở Bắc Giang theo bảng sau:

Yếu tố phân biệt	Địa phương có hạ tầng giao thông phát triển	Địa phương có hạ tầng giao thông chưa phát triển
Biểu hiện (tuyến đường, mật độ, chất lượng...)	?	?
Nhân tố ảnh hưởng (tự nhiên, kinh tế - xã hội)	?	?
Tác động đến phát triển kinh tế, đời sống người dân	?	?

5. Hãy thiết kế và quảng bá một tour du lịch kết nối các điểm du lịch ở địa phương em.

## Bài 5

# THỰC HÀNH NÔNG SẢN QUÊ HƯƠNG EM

### MỤC TIÊU

Biết giới thiệu, quảng bá được về 01 nông sản chủ lực ở địa phương.

### MỞ ĐẦU



### HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

#### I. Gợi ý một số hình thức tổ chức

1. Viết báo cáo/ trình bày báo cáo
2. Tổ chức Hội chợ quê em/ Sàn giao dịch nông sản
3. Tổ chức Gian hàng trưng bày nông sản

#### II. Cách thức tiến hành

##### 1. Viết báo cáo/ trình bày báo cáo

###### a. Cách 1: Thực hiện theo nhóm

- Bước 1: Thành lập nhóm; bầu nhóm trưởng, thư kí.
- Bước 2: Lựa chọn 01 nông sản chủ lực của địa phương sẽ quảng bá.
- Bước 3: Lựa chọn hình thức quảng bá.
- Bước 4: Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.
- Bước 5: Xác định thời gian và địa điểm khảo sát ở địa phương
- Bước 6: Thu thập và xử lý tài liệu



- + Qua sách, báo, mạng internet, các cơ quan quản lý ở địa phương.
- + Khảo sát, tìm hiểu thực tế ở địa phương.
- + Tìm hiểu qua người dân địa phương.
- + Phân tích, so sánh, tổng hợp các kết quả thu thập được.
- Bước 7: Chuẩn bị nội dung đề cương quảng bá theo các gợi ý
- + Tên nông sản chủ lực.
- + Đặc điểm nổi bật
- + Vai trò của nông sản chủ lực
- Bước 8: Tổ chức quảng bá theo hình thức đã lựa chọn.

### **b. Cách 2: Thực hiện theo cá nhân**

- Bước 1: Lựa chọn 01 nông sản chủ lực của địa phương sẽ quảng bá.
- Bước 2: Lựa chọn hình thức quảng bá.
- Bước 3: Xác định thời gian và địa điểm khảo sát ở địa phương.
- Bước 4: Thu thập và xử lý tài liệu
- + Qua sách, báo, mạng internet, các cơ quan quản lý ở địa phương.
- + Khảo sát, tìm hiểu thực tế ở địa phương.
- + Tìm hiểu qua người dân địa phương.
- + Phân tích, so sánh, tổng hợp các kết quả thu thập được.
- Bước 5: Chuẩn bị nội dung đề cương quảng bá theo các gợi ý.
- + Tên nông sản chủ lực.
- + Đặc điểm nổi bật
- + Vai trò của nông sản chủ lực
- Bước 6: Tổ chức quảng bá theo hình thức đã lựa chọn.

#### **GỢI Ý TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:**

1. Cấu trúc: Cấu trúc báo cáo rõ ràng, logic, thể hiện đầy đủ các nội dung.
2. Nội dung: Thông tin phản ánh đầy đủ và chính xác, có ví dụ minh họa và minh chứng kèm theo.
3. Trình bày kết quả dự án trước lớp: diễn đạt lưu loát, thuyết phục

### **2. Tổ chức Hội chợ quê em/ Sàn giao dịch nông sản/Gian hàng trưng bày nông sản**

- Bước 1: Xác định các mặt hàng ở hội chợ/ sàn giao dịch
- Bước 2: Xác định thời gian và địa điểm tổ chức.
- Bước 3: Lên ý tưởng thiết kế gian hàng trưng bày.
- Bước 4: Lấy đăng kí thông tin nông sản
- + Tên nông sản chủ lực.
- + Đặc điểm nổi bật

+ Vai trò của nông sản chủ lực

- Bước 5: Lên chương trình hội chợ/sàn giao dịch/ gian trưng bày và phân công nhiệm vụ

- Bước 6: Tổ chức chương trình.

**GỢI Ý TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:**

1. Thực hiện nhiệm vụ cá nhân: thời gian hoàn thành, mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao (số lượng, chất lượng).

2. Thực hiện nhiệm vụ nhóm: chất lượng sản phẩm do nhóm tạo ra (vị trí, thời gian tổ chức hội chợ có phù hợp không; tính thẩm mỹ của gian hàng ...)

3. Giải quyết tình huống phát sinh: đưa ra phương án giải quyết phù hợp với thực tiễn.

4. Lên kế hoạch và ghi chép đầy đủ các nội dung trong sổ dự án

**MỤC TIÊU**

- Thực hiện được các hoạt động trải nghiệm, thực hành liên quan đến các ngành nghề ở địa phương.
- Có ý thức rèn luyện bản thân phù hợp với nghề nghiệp tương lai.

**MỞ ĐẦU**

Kể tên nghề em yêu thích. Vì sao em yêu thích nghề đó.

**TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN**

1. Tìm hiểu ngành, nghề trước khi thực hiện trải nghiệm theo gợi ý sau



## 2. Xây dựng kế hoạch trải nghiệm nghề ở địa phương theo gợi ý sau



## 3. Thực hành trải nghiệm nghề



## 4. Báo cáo thu hoạch sau buổi thực hành trải nghiệm

Lựa chọn các hình thức khác nhau (viết, vẽ, powerpoint) để báo cáo thu hoạch sau buổi thực hành theo gợi ý sau



### III. ĐÁNH GIÁ

Sản phẩm của dự án trải nghiệm sẽ được đánh giá theo các tiêu chí sau:

Cấu trúc báo cáo rõ ràng, logic đầy đủ các nội dung theo kế hoạch đã lập

Nội dung trải nghiệm: thông tin phản ánh về nghề nghiệp đầy đủ, chính xác có ví dụ minh họa, minh chứng kèm theo

Trình bày sản phẩm dự án trải nghiệm trước lớp: diễn đạt trôi chảy, thuyết phục thể hiện rõ định hướng và giải thích việc lựa chọn ngành, nghề trong tương lai.